

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H N
TỈNH N A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 25/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 12 - 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H N, TỈNH N A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Tú;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải và bà Nguyễn Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Trà My, Thư ký Tòa án nhân dân huyện H N, tỉnh N A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H N, tỉnh N A: Bà Nguyễn Thị Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H N, tỉnh N A xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 87/2021/TLST - HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị N T N; sinh Năm: 1990. Nơi ĐKKHKT: Khối X, thị trấn H N, huyện H N, tỉnh N A. Có mặt.

- Bị đơn: Anh P V C, sinh Năm 1982. Nơi ĐKKHKT: Xóm X, xã H T, huyện H N, tỉnh N A. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 6 – Bộ Công an, xã T M, huyện T C, tỉnh N A. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 12 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị N T N trình bày: Chị và anh P V C đăng ký kết hôn ngày 29/4/2010 tại UBND xã H T, huyện H N, tỉnh N A. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc hạnh phúc được 02 năm thì bắt đầu phát sinh H Nhiều mâu thuẫn, anh C nghiện ma túy, không quan tâm, chăm sóc tới vợ con gia đình dẫn đến vợ chồng hay xảy ra va chạm cãi vã nhau. Chị và anh C đã sống ly thân

từ năm 2012 cho đến nay. Hiện anh C đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 6, xã T M, huyện T C, tỉnh N A. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P V C. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là P N V A, sinh Ngày 21/02/2011 và P N Đ A, sinh H Ngày 10/10/2012. Hai con đã sống với mẹ từ nhỏ cho đến giờ nên nguyện vọng của chị sau ly hôn là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung vợ chồng và khoản nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05 tháng 11 năm 2021, bị đơn anh P V C trình bày: Thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn giữa anh và chị N T N đúng như chị N trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại Xóm X, xã H T, huyện H N, tỉnh N A. Đến năm 2014 thì anh C phải chấp hành án phạt 20 năm tù tại Trại giam số 6, xã T M, huyện T C, tỉnh N A cho đến nay. Hiện chị N yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn vắng mặt đã được tổng đạt văn bản hợp lệ, đầy đủ.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị N T N ly hôn anh P V C. Về con chung: giao hai cháu là P N V A (sinh Ngày 21/02/2011) và cháu P N Đ A (sinh H Ngày 10/10/2012) cho chị N T N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh P V C vì chị N chưa yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét. Về án phí: Chị N T N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”. Bị đơn anh P V C có hộ khẩu thường trú tại Xóm X, xã H T, huyện H N, tỉnh H N A. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện H N, tỉnh N A thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh P V C hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 6 – Bộ Công an nên vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện H N, tỉnh N A tiến hành xét xử vắng mặt anh C là đúng quy định pháp luật.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N T N và anh P V C đăng ký kết hôn ngày 29/4/2010 tại UBND xã H T, huyện H N, tỉnh N A là không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C sa vào nghiện ma túy, không quan tâm, chăm sóc tới vợ con gia đình dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã, va chạm nhau. Chị N, anh C đã sống ly thân từ năm 2012 và anh C đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 6, xã T M, huyện T C, tỉnh N A từ năm 2014 cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết hòa giải, anh C tuy không có mặt tại phiên hòa giải nhưng đã có bản tự khai gửi cho Tòa án và thể hiện nguyện vọng của mình là không muốn ly hôn với chị N. Tuy nhiên, chị N cương quyết ly hôn vì nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể duy trì thêm nữa..

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N T N được ly hôn anh P V C.

[3]. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng nuôi được nuôi con chung của chị N T N là chính đáng. Hai cháu P N V A và P N Đ A sống với mẹ từ nhỏ cho đến giờ, chị N có đủ điều kiện để nuôi và chăm sóc 02 con. Theo đơn trình bày nguyện vọng của hai cháu, thì bố mẹ ly hôn cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ. Anh C hiện đang chấp hành án tại trại giam nên không thể chăm sóc hai con. Vì vậy, cần giao 02 con chung P N V A, sinh Ngày 21/02/2011 và P N Đ A, sinh Ngày 10/10/2012 cho

chị N T N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp và đảm bảo quyền lợi của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C.

[4]. *Về tài sản chung và khoản nợ*: Chị N T N và anh P V C không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[6]. *Về án phí*: Chị N T N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị N T N được ly hôn anh P V C.

2. *Về con chung*: Giao 02 con chung là P N V A, sinh Ngày 21/02/2011 và P N Đ A, sinh Ngày 10/10/2012 cho chị N T N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh P V C.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con thì các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị N T N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) mà chị N đã nộp tại cơ quan Thi hành án Dân sự huyện H N theo biên lai thu tiền số 0003816 ngày 13 tháng 10 năm 2021. Chị N đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh N A trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh N A trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H N A;
- VKSND huyện H N;
- THADS huyện H N

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Dương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

Lâm Quốc Tú